TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày 22/7/2020
"V/v tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Bàng.

2- Bà Hoàng Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc H, sinh ngày 25/9/1979 (có mặt).

- Bị đơn:

1- Bà Lê Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

2- Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1977 (là chồng của bà T vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2019 nguyên đơn chị Lê Ngọc H trình bày và yêu cầu như sau: Chị có cho vợ chồng bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hữu H vay số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 14/8/2019 âm lịch vợ chồng bà T vay 02 lần số tiền 20.000.000đ.

- Ngày 17/8/2019 âm lịch vợ chồng bà T vay số tiền 10.000.000đ, đã trả nhiều lần, còn lại 6.000.000đ.

- Ngày 19/8/2019 âm lịch Vợ chồng bà T vay 10.000.000đ.

- Ngày 20/8/2019 âm lịch vợ chồng bà T vay số tiền 10.000.000đ.

- Ngày 21/8/2019 âm lịch vợ chồng bà T vay số tiền 3.000.000đ.

Tổng cộng vợ chồng bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hữu H còn nợ chị số tiền gốc là 49.000.000đ. Việc vay tiền các lần nêu trên là bà T trực tiếp nhận tiền và ký biên nhận nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 18/5/2020 chị Lê Ngọc H trình bày sau:

- Ngày 14/8/2019 âm lịch bà T vay 10.000.000đ, hai bên thỏa thuận góp mỗi ngày 500.000đ, trong thời gian 22 ngày là dứt điểm. Bà T đã góp được 10 ngày là 5.000.000đ, còn lại 12 ngày số tiền là 6.000.000đ.

- Cùng ngày 14/8/2019 âm lịch bà T vay 10.000.000đ, chị chỉ giao số tiền cho bà T là 8.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất mỗi ngày là 20.000đ/ 1.000.0000đ/ngày.

- Ngày 17/8/2019 âm lịch bà T vay 10.000.000đ, chị chỉ giao số tiền cho bà T là 8.000.000đ, lãi suất mỗi ngày là 20.000đ/1.000.0000đ/ngày.

- Ngày 19/8/2019 âm lịch bà T vay 10.000.000đ, chị chỉ giao số tiền cho bà T là 8.000.000đ, lãi suất mỗi ngày là 20.000đ/ 1.000.0000đ/ngày.

- Ngày 20/8/2019 âm lịch bà T vay 10.000.000đ, chị chỉ giao số tiền cho bà T là 8.000.000đ, lãi suất mỗi ngày là 20.000đ/ 1.000.0000đ/ngày.

- Ngày 21/8/2019 âm lịch bà T vay 3.000.000đ, chị chỉ giao số tiền cho bà T là 2.700.000đ, lãi suất mỗi ngày là 20.000đ/ 1.000.0000đ.

Trong những lần vay tiền do bà T trực tiếp nhận tiền và ký biên nhận nợ, còn ông Nguyễn Hữu H hoàn toàn không biết việc bà T vay tiền của chị.

Nay chị chỉ yêu cầu bà T trả cho chị số tiền gốc thực nhận tổng cộng là 39.250.000đ là dứt điểm, chị không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu ông H cùng trả số nợ này cho chị.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/5/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020 bị đơn bà Lê Thị T trình bày như sau: Bà thừa nhận có vay tiền của chị Lê Ngọc H những lần và ký biên nhận nợ là đúng. Tuy nhiên, các lần vay tiền thì bà chỉ nhận tiền thực tế có 6.000.000đ, còn lần vay 3.000.000đ thì chỉ nhận được số tiền 1.600.000đ. Hai bên thỏa thuận lãi suất ban đầu là 40.000đ/tháng/1.000.000đ, chị đã đóng lãi cho chị H tổng cộng 82.000.000đ, nhưng không có làm giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến và hiện nay chị cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã trả số tiền cho chị H.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu của chị H. Bởi vì, trong thời gian qua bà đã trả cho chị H số tiền nhiều hơn nợ gốc cho nên bà không đồng ý trả thêm cho chị H nữa.

Việc hỏi vay tiền chỉ một mình bà trực tiếp nhận tiền, hỏi cho bà chứ không có hỏi giùm cho ai như biên nhận nợ đã ghi và chồng bà ông Nguyễn Hữu H hoàn toàn không biết. Vì vậy, ông H không có liên quan gì đến khoản tiền này mà một mình chị chịu trách nhiệm trả cho chị H và bà cũng không yêu cầu tính lại số tiền lãi mà bà đã trả cho chị H trước đây.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Ngọc H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu bà Lê Thị M trả cho chị số tiền gốc là 39.250.000đ. Chị không yêu cầu tính lãi và cũng không yêu cầu ông H cùng trả nợ cho chị.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị T trình bày: Bà thừa nhận việc vay tiền của chị H là do bà tự nguyện đến nhà chị H để hỏi vay tiền của chị H, nhưng những lần vay tiền bà chỉ nhận số tiền 6.000.000đ chứ không đúng với số tiền đã ghi trong biên nhận nợ mà bà đã ký và bà đã đóng lãi cho chị H tổng cộng là 82.000.000đ, việc đóng lãi cho chị H không có làm giấy tờ gì, nay cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Vì vậy, nay bà đồng ý còn nợ chị H số tiền là 39.250.000đ, nhưng hiện nay bà không còn khả năng trả số tiền này cho chị H và bà cũng không yêu cầu tính lại số tiền lãi mà bà đã trả cho chị H trước đây.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Lê Thị T trả cho chị Lê Ngọc H số tiền là 39.250.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của đương sự đối nội dung về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và bị đơn có nơi cư trú trên địa phận hành chính của huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và các điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Phần thủ tục tố tụng: Đối với ông Nguyễn Hữu H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Hữu H.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu của chị Lê Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Lê Thị T là có căn cứ. Bởi vì, việc vay tiền giữa chị H và bà Thảo đã tự thỏa thuận và mỗi lần vay tiền đều có làm biên nhận

nợ do bà T trực tiếp giao dịch và nhận tiền việc này được thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 18/5/2020, biên biên lấy lời khai ngày 09/6/2020 và cũng như tại phiên tòa hôm nay bà T đều thừa nhận.

Đối với bà T cho rằng, mỗi lần vay tiền bà chỉ nhận số tiền là 6.000.000đ, có một lần nhận 1.600.000đ không đúng như chị H trình bày và thời gian qua bà đã trả cho chị H số tiền lãi là 82.000.000đ. Tuy nhiên, bà T không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc bà nhận tiền và trả tiền lãi cho chị H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà T không có căn cứ nên không chấp nhận.

Riêng đối với ông Nguyễn Hữu H là chồng của bà Lê Thị T không biết việc bà T vay tiền, hơn nữa chị H và bà T cũng không yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả khoản nợ này nên Hội đồng xét xử ghi nhận không buộc ông H có trách nhiệm cùng trả số nợ này cho chị H.

Về lãi suất, do chị H không yêu cầu bà T trả lãi suất và bà T cũng không có yêu cầu tính lại số tiền lãi mà bà đã trả cho chị H trước đây nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho chị Lê Ngọc H số tiền là 39.250.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị H được chấp nhận nên bà Lê Thị T phải chịu tiền án phí là 39.250.000đ x 5% = 1.962.500đ.

Hoàn trả lại cho chị Lê Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đ , theo lai thu số 0008205 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thị hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Xét về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26, điểm a, c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Lê Thị T.

Buộc bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho chị Lê Ngọc H số tiền là 39.250.000đ (ba mươi chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T không trả hoặc trả không đủ số tiền cho chị H thì bà T còn phải trả thêm lãi cho chị H theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn lại.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị T phải chịu tiền án phí là 1.962.500đ (một triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho chị Lê Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đ (một triệu đồng), theo lai thu số 0008205 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thị hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị H và bà T có mặt biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/7/2020). Đối với ông H vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- VP ĐKĐĐ huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu V. phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm